

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Tất Thề

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2023/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm I, xã I, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc N, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm I, xã I, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 13/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến tháng 4 năm 2022, sau khi anh N đi lao động Đài Loan thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do khoảng cách về địa lý mỗi người một nơi, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung nên dẫn đến cãi cọ nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N có 02 con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/03/2009 và Trần Gia N, sinh ngày 26/3/2014, hiện nay các cháu đang ở với chị T. Chị T đồng ý giao con chung Trần Gia N cho anh Trần Quốc N chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị T sẽ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Thị Quỳnh N cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành. Chị T và anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản. Trong thời gian anh N chưa về Việt Nam, chị T tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Gia N cho đến khi anh N về Việt Nam.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Quốc N trình bày thống nhất với chị Nguyễn Thị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc cũng như thời gian xảy ra mâu thuẫn. Còn nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là sau khi anh N đi nước ngoài, chị T không chung thủy, có quan hệ bất chính với người khác mặc dù nhiều lần anh khuyên nhủ nhưng chị T vẫn không từ bỏ. Nay anh cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T làm đơn yêu cầu ly hôn anh N đồng ý

Về con chung: Anh Trần Quốc N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Gia N, sinh ngày 26/3/2014 đến tuổi trưởng thành và giao con chung Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/03/2009 cho chị Trần Thị Thanh chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh và chị T sẽ tự thỏa thuận với nhau về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh chưa về Việt Nam, anh đồng ý để con cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam. Anh và chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc N trình bày trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị T có một số tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên hiện nay anh đang lao động ở nước ngoài nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Trần Quốc N cho biết hiện nay anh đang lao động tự do tại Đài Loan nên không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể của mình cũng như do công việc nên anh không thể trực tiếp về Việt Nam để giải quyết vụ án và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh N); địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xử:

- Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc N

- Về con chung: Giao con chung Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/3/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành; Giao con chung Trần Gia N cho anh Trần Quốc N chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh N chưa về Việt Nam, chị T tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Gia N cho đến khi anh N về Việt Nam. Chị T và anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Quốc N hiện đang sinh sống, lao động tự do Đài Loan không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 17771/QLXNC-P5, ngày 13/7/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Trần Quốc N, sinh ngày 02/8/1983 đã xuất cảnh gần nhất vào ngày 01/4/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Quốc N và chị Nguyễn Thị T trình bày vì điều kiện công việc không thể có mặt để giải quyết vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, anh N ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh N); địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Trần Quốc N theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 13/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng mỗi người một nơi, thiếu sự chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau và do bất đồng về quan điểm sống không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến không còn tình cảm với nhau.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng

cuộc hôn nhân của chị T và anh N không đạt được. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Quốc N.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N có 02 con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/03/2009 và Trần Gia N, sinh ngày 26/3/2014. Các cháu Trần Thị Quỳnh N và Trần Gia N trình bày nguyện vọng được ở cùng với chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh Trần Quốc N hiện đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N thống nhất với nhau về việc giao con chung Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/3/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và giao con chung Trần Gia N, sinh ngày 26/3/2014 cho anh Trần Quốc N chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh N chưa về Việt Nam, chị T tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Gia N cho đến khi anh N về Việt Nam. Xét thấy sự thỏa thuận của chị T và anh N là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của anh N cũng như sự thảo thuận thống nhất giữa anh N và chị T.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 228, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc N.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/3/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành; giao con chung Trần Gia N, sinh ngày 26/3/2014 cho anh Trần Quốc N chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh N chưa về Việt Nam, chị T tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Gia N

cho đến khi anh N về Việt Nam. Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000558 ngày 11/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã I;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền